

Số: 129/2025/QĐST - HNGĐ

TP. Thái Nguyên, ngày 31 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 131/2025/LHST ngày 12 tháng 3 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Anh Đào Thanh P, sinh năm 1989; nơi cư trú: Tổ D, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Chị Đào Thị Kim D, sinh năm 1989; nơi cư trú: Tổ D, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 212; 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 3 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 3 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Đào Thị Kim D và anh Đào Thanh P.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị Kim D và anh Đào Thanh P thuận tình ly hôn.

2.2. *Về nuôi con*: Chị Đào Thị Kim D và anh Đào Thanh P thỏa thuận: Giao con Đào Ngọc M, sinh ngày 22/12/2012 và Đào Ngọc T, sinh ngày 06/5/2018 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Anh P có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đào Thị Kim D và anh Đào Thanh P thỏa thuận: Anh P cấp dưỡng con chị D nuôi con chung số tiền 3.000.000đ/tháng/con cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. *Án phí*: Hai bên thỏa thuận, anh P chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ, án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo Biên lai thu số 0000826 ngày 12/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Thái Nguyên;
- Chi cục THADS TP Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- UBND phường Tân Long; TPTN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Ngọc Linh